

DANH SÁCH GHI ĐIỂM KIỂM TRA ANH VĂN THEO CHUẨN ĐẦU RA

Địa điểm: 416 Nguyễn Văn Khối, P.9, Q.Gò Vấp, Tp.HCM

STT	SBD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				ĐTBCT	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Nói	Đọc	Viết			
1	001	Nguyễn Gia	Bảo	19/04/2003	An Giang	9.5	8.0	6.0	6.0	7.38	Đạt	
2	002	Lưu Gia	Bảo	02/02/2002	Bạc Liêu	9.0	6.0	6.0	6.5	6.88	Đạt	
3	003	Trịnh Lê Trí	Cường	29/10/2003	Tp.Hồ Chí Minh	9.0	6.0	8.6	5.5	7.28	Đạt	
4	004	Lại Xuân	Đăng	13/03/1995	Nam Định	9.0	5.0	9.2	6.0	7.30	Đạt	
5	005	Trần Văn	Đạt	05/11/2004	Đắk Nông	9.0	5.0	6.4	5.5	6.48	Đạt	
6	006	Võ Phát	Đạt	29/07/2003	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	6.0	5.4	5.5	5.60	Đạt	
7	007	Trần Anh Thái	Duy	28/06/2005	Long An	9.0	7.0	6.0	5.5	6.88	Đạt	
8	008	Đặng Phương	Duy	06/02/2004	Tây Ninh	9.5	5.0	6.4	5.5	6.60	Đạt	
9	009	Nguyễn Huỳnh Thanh	Hảo	21/08/2000	Phú Yên	9.0	5.0	7.0	6.0	6.75	Đạt	
10	010	Nguyễn Văn	Hiếu	01/11/2005	Tp.Hồ Chí Minh	9.5	7.0	6.6	5.5	7.15	Đạt	
11	011	Trần Quốc	Hung	18/06/1997	Đồng Nai	5.5	8.0	6.4	7.0	6.73	Đạt	
12	012	Nguyễn Ngọc	Hữu	15/09/2000	Đồng Tháp	9.5	5.0	6.4	7.0	6.98	Đạt	
13	013	Nguyễn Quang	Huy	13/04/2003	Gia Lai	6.0	7.0	6.4	6.5	6.48	Đạt	
14	014	Nguyễn Đăng	Khoa	21/05/1999	Bình Phước	9.0	7.0	8.0	6.0	7.50	Đạt	
15	015	Huỳnh Lê Trung	Kiên	09/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	5.5	5.0	6.4	5.5	5.60	Đạt	
16	016	Lê Chí	Kiệt	09/12/2000	Bình Định	7.0	7.0	5.5	8.0	6.88	Đạt	
17	017	Trần Phan Thiên	Lập	24/05/2001	Long An	8.5	8.0	9.0	6.0	7.88	Đạt	
18	018	Trần Thị Ngọc	Linh	22/12/1992	Bình Thuận	6.0	6.0	6.0	8.0	6.50	Đạt	
19	019	Trần Việt	Lợi	16/12/1992	Sông Bé	5.5	8.0	8.2	6.0	6.93	Đạt	
20	020	Võ Nguyễn Phi	Năng	04/03/2004	Bình Phước	5.5	5.0	6.4	5.5	5.60	Đạt	
21	021	Danh Thị Thúy	Ngân	09/04/1996	Bạc Liêu	6.0	5.0	6.0	7.0	6.00	Đạt	
22	022	Nguyễn Minh	Nhân	22/11/2005	Tây Ninh	5.5	7.0	8.4	6.0	6.73	Đạt	
23	023	Nguyễn Thập	Nhất	30/12/2003	Thanh Hóa	5.5	5.0	6.8	6.0	5.83	Đạt	
24	024	Hồ Trọng	Phúc	25/06/2005	Tây Ninh	5.5	5.0	9.0	6.0	6.38	Đạt	
25	025	Nguyễn Đỗ Thiên	Phước	19/08/2003	Bình Phước	5.5	5.0	6.4	5.5	5.60	Đạt	
26	026	Thiệu Thanh	Quyền	20/08/2002	Thanh Hóa	5.5	5.0	7.2	7.5	6.30	Đạt	
27	027	Lê Công	Sự	02/10/2001	Hà Tĩnh	8.0	6.0	8.4	6.5	7.23	Đạt	
28	028	Nguyễn Công	Tâm	11/09/2003	Phú Yên	5.5	7.0	8.2	6.5	6.80	Đạt	
29	029	Văn Vũ Thiên	Thanh	19/10/2000	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	5.0	8.6	7.0	6.53	Đạt	
30	030	Huỳnh Văn	Thanh	01/08/2004	Tiền Giang	5.5	5.0	5.0	6.0	5.38	Đạt	
31	031	Trần Văn Ngọc	Thật	18/12/2003	Bạc Liêu	5.5	6.0	8.8	5.5	6.45	Đạt	
32	032	Nguyễn Xuân	Tính	15/11/2005	Bình Phước	5.5	7.0	8.6	5.5	6.65	Đạt	
33	033	Nguyễn Phan Thiên	Trúc	12/03/2001	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	8.0	7.4	8.0	7.23	Đạt	
34	034	Võ Thành	Tuấn	17/08/2002	Bình Định	5.5	5.0	9.0	6.0	6.38	Đạt	
35	035	Lê Đỗ Khánh	Tường	05/03/2004	Lâm Đồng	5.5	5.0	5.8	6.0	5.58	Đạt	
36	036	Nguyễn Huỳnh Thu	Vân	09/05/1991	An Giang	7.0	6.0	7.8	5.5	6.58	Đạt	